

Bản án số: 24/2018/HS-ST
Ngày 25/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thùy Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Lầu

Ông Lý Văn Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Đàm Nhật Hoàng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Sư Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/HSST ngày 08 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 đối với:

Bị cáo **Đặng Tồn C**, tên gọi khác Đặng Chiều L

Sinh ngày 20 tháng 01 năm 1996

Nơi sinh: Xã Đ, huyện B, tỉnh C

Nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam

Con ông: Đặng Chòi H sinh năm 1975 và bà Đặng Mùi P sinh năm 1974; Vợ: Đặng Mùi L1 sinh năm 1992; Con: có 01 (một) con sinh năm 2011

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 13/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng từ ngày 05/6/2018 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (Có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa và gửi Luận cứ bào chữa).

** Bị hại:*

- Bà Đặng Mùi G, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

- Ông Phùng Tồn L2, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Mùi Ch, sinh năm 1951; Nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

* Người phiên dịch: Bà Lý Mùi L3; Nơi cư trú: Xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 11/5/2018 Đặng Tồn C một mình đi từ nhà ở xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C đến xóm B, xã Đ, huyện B chơi thì gặp Lý Vân T trú tại xóm P, xã Đ, huyện B. C và T nói chuyện với nhau và rủ nhau sang huyện N, tỉnh C chơi. Do không có phương tiện đi lại nên C đã đến nhà di ruột là bà Đặng Mùi G trú tại xóm B, xã Đ, huyện B, tỉnh C để mượn xe máy. Khoảng 12 giờ cùng ngày C đến nhà bà G để mượn xe máy và hẹn với bà G 17 giờ cùng ngày C sẽ mang xe máy về trả. Bà G đồng ý, C đã điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu vàng đen, biển kiểm soát 97B1-35343 đến gặp T để đi huyện N nhưng T không đồng ý, T đi bộ về nhà. Khoảng 15 giờ cùng ngày, do lên cơn nghiện ma túy, không có tiền nên T đã nảy sinh ý định cầm cổ xe máy đã mượn lấy tiền mua ma túy để sử dụng. T một mình điều khiển xe máy theo hướng xóm B - xóm L, C gặp bà Đặng Mùi Ch trú tại xóm L, xã Đ, huyện B, tỉnh C. Sau khi thỏa thuận, bà Mùi Ch đồng ý để C cầm cổ xe máy với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng), sau này đến chuộc C sẽ trả cho bà Ch số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Sau khi có tiền C đã đi mua ma túy để sử dụng và tiêu sài cá nhân hết số tiền này.

Chiều tối cùng ngày 11/5/2018 ông Phùng Tồn L2 (chồng của bà Đặng Mùi G) về nhà thì được vợ kể lại sự việc C mượn xe máy nhưng không đến trả xe theo giờ đã hẹn. Sáng 12/5/2018 ông L2 đi tìm xe máy thì phát hiện xe máy tại quán của bà Đặng Mùi Ch. Ông L2 biết xe máy bị C cầm cổ tại quán của bà Ch với số tiền là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Ông L2 đã đưa cho bà Ch số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) để chuộc lại xe máy.

Ngày 13/5/2018 ông L2 đã làm đơn đến Công an xã Đ, huyện B, tỉnh C. Ban Công an xã Đ đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06/6/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc đã ra yêu cầu số 06 yêu cầu định giá tài sản. Tài sản định giá là 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại WaveRSX, màu sơn vàng đen, biển kiểm soát 97B1-35343, số máy JA31E0007432, số khung 3115EY003348, xe đã qua sử dụng. Tại bản kết

luận định giá tài sản ngày 11/6/2018 kết luận xe máy trị giá 11.000.000 đồng (Mười một triệu đồng).

Ngày 10/7/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã lập biên bản trả lại đồ vật, tài liệu cho ông Phùng Tồn L2: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen vàng, biển kiểm soát 97B1-35343, số khung 3115EY003348, số máy JA31E0007432, xe máy đã qua sử dụng và 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nông Thu H.

Đối với bà Đặng Mùi Ch là người đã nhận cầm cố xe máy, bà Ch không biết xe máy là của C đi mượn, không có hứa hẹn trước với C. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Ch.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSBL ngày 07/8/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Đặng Tồn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015;

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Đặng Tồn C theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 tuyên bố bị cáo Đặng Tồn C phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" xử phạt bị cáo từ 12 (Mười hai) tháng đến 15 (Mười năm) tháng tù;

Về hình phạt bổ sung xét thấy hiện nay bị cáo không có việc làm, không có thu nhập ổn định đề nghị Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền cho bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đặng Tồn C trả lại số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) cho ông L2 vì ông L2 đã đưa tiền cho bà Ch để chuộc lại xe máy;

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Nhất trí với bản Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Đặng Tồn C về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến tình tiết giảm nhẹ: bị cáo là người sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, có trình độ văn hóa thấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" (Trường hợp phạm tội lần đầu - dẫn chiếu quy định tại Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2014 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) và điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải" xem xét cho bị cáo được hưởng mức án 06 (sáu) tháng tù.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị hại bà Đặng Mùi G và ông Phùng Tồn L2 trình bày: Ông bà là vợ chồng, C là cháu ruột của bà G. Trưa ngày

11/5/2018 C đến nhà và mượn xe máy với bà G và hẹn 17 giờ cùng ngày sẽ trả xe, bà G đồng ý. Đến giờ hẹn không thấy C mang xe máy đến trả. Ngày hôm sau, ông L2 đi tìm xe máy và phát hiện xe máy đã bị C cầm cố với bà Ch với số tiền là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng). Ông L2 đã trả cho bà Ch số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) để chuộc lại xe máy C đã cầm cố. Hiện nay, ông bà đã nhận được tài sản là xe máy. Ông, bà yêu cầu xét xử C theo quy định của pháp luật. Ông L2 yêu cầu C phải có trách nhiệm thanh toán cho ông số tiền là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đặng Mùi Ch trình bày: Ngày 11/5/2018 C có mang 01 (một) xe máy đến cầm cố tại quán của bà. C nói xe máy là của C nên bà đã đồng ý cầm cố với số tiền là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) và C hẹn khi đến lấy xe thì sẽ trả cho bà số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Bà không biết xe là do C đi mượn mà có, hiện nay ông L2 đã lấy lại xe máy và thanh toán cho bà số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) nên bà không có ý kiến và yêu cầu gì thêm.

Bị cáo Đặng Tồn C nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Đặng Tồn C thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Khoảng 10 giờ ngày 11/5/2018 bị cáo đã đến nhà bị hại mượn xe máy với mục đích đi đến huyện N, tỉnh C chơi và hẹn 17 giờ cùng ngày sẽ trả lại xe máy; Do không có tiền mua ma túy sử dụng để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, bị cáo đã dùng xe máy mượn của bị hại đi cầm cố với số tiền 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng); Bị cáo đã mua ma túy và tiêu sài cá nhân hết số

tiền này và không có khả năng trả lại xe máy đã mượn. Hành vi của bị cáo xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an ninh xã hội ở địa phương.

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015:

"1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) ...

b) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng và đã sử dụng tài sản đó vào mục đích bất hợp pháp dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản."

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Đặng Tồn C về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về sự vắng mặt của người bào chữa cho bị cáo: Ngày 21/9/2018 bà Nguyễn Thị T có làm đơn xin xét xử vắng mặt và gửi luận cứ bào chữa vì bà T bận việc cá nhân. Tại phiên tòa bị cáo Đặng Tồn C đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 291 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người bào chữa là đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Đối với yêu cầu của người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" (Trường hợp phạm tội lần đầu dẫn chiếu quy định tại Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Hội đồng xét xử xét thấy, Nghị quyết số 01/2018/NQ-HĐTP ngày 24/4/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 66 và Điều 106 của Bộ luật hình sự về tha tù trước thời hạn có điều kiện. Mặt khác, Điều 2 của Nghị quyết này quy định về "Điều kiện tha tù trước thời hạn có điều kiện đối với người đang chấp hành án phạt tù về tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng" nên việc dẫn chiếu Nghị quyết 01/2018/NQ-HĐTP là không phù hợp. Bị cáo đã có 01 (một) tiền án, đã được xóa án tích. Căn cứ vào giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao về một số vấn đề nghiệp vụ (giải đáp số thứ tự 04) thì bị cáo không thuộc trường hợp phạm tội lần đầu nên bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo Đặng Tồn C sinh ra và lớn lên tại xã Đ, huyện B, tỉnh C. Được đi học hết lớp 7 thì bỏ học, bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 13/11/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 (bảy) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tháng 2/2016 chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương. Bị cáo đã được xóa án tích, bị cáo có sức khỏe, được sống trong môi trường xã hội lành mạnh nhưng không lấy án tích làm bài học cho bản thân, không tu dưỡng, rèn luyện đạo đức mà lại sử dụng và lệ thuộc vào ma túy, để có ma túy sử dụng bị cáo đã cầm cố tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, bị cáo biết là sai nhưng vẫn bất chấp thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Tại phiên tòa bị cáo tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Phùng Tồn L2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) là tiền ông L2 chuộc lại xe máy với bà Đặng Mùi Ch. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông L2 là chính đáng và cần được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 (một) xe máy nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn đen vàng, biển kiểm soát 97B1-35343, số khung 3115EY003348, số máy JA31E0007432, xe máy đã qua sử dụng và 01 (một) đăng ký mô tô, xe máy mang tên Nông Thu H đã được trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Phùng Tồn L2 theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/7/2018 của Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Ông L2 đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì về vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Tuyên bố bị cáo Đặng Tồn C (tên gọi khác Đặng Chiều L) phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 175, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017: Xử phạt bị cáo Đặng Tồn C 12 (Mười hai) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày 05/6/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Bị cáo Đặng Tồn C phải bồi thường cho bị hại ông Phùng Tồn L2 số tiền là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền nêu trên cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3.Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Bị cáo Đặng Tồn C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, VKSND huyện;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Nhà tạm giữ;
- UBND xã Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TÔ THỊ THÙY NGÂN

